

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt Danh sách trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026

Căn cứ Nghị quyết số 171/QĐ-BKHCN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐHV ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Nghị quyết 191/NQ-HĐHV ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng Học viện về việc Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 550/QĐ-HV ngày 21/04/2022 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1205/QĐ-HV ngày 04/05/2026 về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ biên bản họp ngày 25/06/2026 của Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Danh sách trúng tuyển trình độ thạc sĩ đợt 1 năm 2026 của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông gồm 347 thí sinh. Trong đó:

Cơ sở Phía Bắc: 329 thí sinh

- | | |
|-------------------------------------|---|
| - Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông: | 26 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử: | 16 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Hệ thống thông tin: | 107 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Khoa học máy tính: | 105 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành An toàn thông tin: | 50 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: | 25 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |

Cơ sở Phía Nam: 18 thí sinh

- | | |
|-------------------------------------|--|
| - Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông: | 04 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Hệ thống thông tin: | 10 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |
| - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh: | 04 thí sinh (Danh sách chi tiết kèm theo); |

Điều 2. Phó Giám đốc phụ trách Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng: Đào tạo, Giáo vụ, Tài chính kế toán, Trưởng Khoa Đào tạo sau đại học, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Ban Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT; HĐTS (6).


[Signature]
PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026
CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số 1874/QĐ-HV ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH					ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xử lý tin hiệu số	Lý thuyết truyền tin/ Lý thuyết thông tin	Môn khác tương đương	Kỹ thuật mạng truyền thống	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	Kỹ thuật khác tương đương																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
1	Ngô Đức	Bình	Nam	09/09/2002	Đại học Công nghệ, ĐHQG Gia Hà Nội	CQ	Công nghệ KT điện tử viễn thông	2024	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		7.00																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						</

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xử lý tín hiệu số	Lý thuyết truyền tin/ Lý thuyết thông tin	Môn khác tương đương	Kỹ thuật mạng truyền thông	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	Môn khác tương đương		
23	Bùi Đức	Quý	Nam	06/11/2002	Đại học Giao thông Vận tải	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Trung bình			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QB 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026			7.70						14.50
24	Đỗ Huy	Tiến	Nam	24/12/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	9.50								17.50
25	Phan Văn	Toàn	Nam	08/08/1992	ĐH Nghiên cứu Bách khoa QG Tomsk, Nga	CQ	Điện tử và điện tử nano	2016		x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QB 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.00					7.60			13.60
26	Đoàn	Vũ	Nam	28/01/1997	Học viện Kỹ thuật quân sự	CQ	Kỹ thuật điện điện tử (Chuyên ngành thông tin)	2021	TB.Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QB 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		9.00						6.40	15.40

Danh sách gồm: 26 thí sinh

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Hạnh



(Kèm theo Quyết định số 1874/QĐ-HV ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

Danh sách gồm: 16 thí sinh

胆

KT. GIAM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG HUYNH SINH



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

PGS.TS. Trần Quang Anh

PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026

CHUYÊN NGÀNH: HỆ THÔNG THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 1874/QĐ-HV ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC																									ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH					ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH					TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương																		
1	Khúc Tuấn	Anh	Nam	24/10/2003	Đại học La Trobe Australia	CQ	Công nghệ thông tin	2025				Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học La Trobe Australia	2025				7.00						8.10			15.10													
2	Lê Đức	Anh	Nam	01/02/1996	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2019	Trung bình			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Hà Nội	26/04/2025			7.40					8.10				15.50														
3	Lê Đức	Anh	Nam	25/07/1997	Học viện Kỹ thuật quân sự	CQ	Điện -Điện tử	2021	Trung bình	x (02.2025)		Bậc 3 Tiếng Anh	Học viện Khoa học Quân sự	10/06/2025	6.00					8.60						14.60														
4	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	26/11/1992	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	CQ	Tin học	2016	Trung bình				Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		6.50					8.00					14.50														
5	Hồ Quang	Anh	Nam	30/07/2003	ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin- Truyền thông	2024	Khá			Chương trình đào tạo ĐH Công nghệ Hà Nội bằng tiếng Anh	ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	11/2024	6.50					6.55						13.05														
6	Lê Sỹ Hoàng	Anh	Nam	25/03/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	9.40					7.60						17.00														
7	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	15/12/1988	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2013	TB.Khá	x		Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Ngoại ngữ, Đại học QG Hà Nội	02/06/2026	6.00					7.00						13.00														
8	Nguyễn Thuý	Anh	Nữ	03/11/1999	Học viện Ngân hàng	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2021	Khá	x		B2 Aptis ESOL	British Council	05/04/2026	8.10					7.00						15.10														
9	Lê Tú	Anh	Nữ	24/03/1998	Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2020	Giỏi			B1 Aptis ESOL	British Council	17/05/2026		8.50				8.20						16.70														
10	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Bích	Nữ	04/07/1999	Đại học Mã Địa chất	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	06/04/2026	8.20					5.95						14.15														
11	Trần Đức	Bình	Nam	12/01/1990	Đại học FPT	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2011	TB.Khá			Chương trình đào tạo ĐH bằng tiếng Anh	Đại học FPT	2011		6.90				6.00						12.90														
12	Lê Quốc	Ca	Nam	26/04/2001	Đại học Công nghệ giao thông vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		9.80				8.60						18.40														
13	Dương Thị Linh Chi	Chi	Nữ	28/01/2003	Đại học Tài nguyên và môi trường Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Bách Khoa Hà Nội	07/01/2026	10.00					9.40						19.40														
14	Vũ Thị	Chánh	Nữ	15/11/1999	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2021	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	20/04/2026		8.20					8.20					16.40														
15	Nguyễn Văn Công	Công	Nam	03/11/1986	Đại học Công nghệ thông tin-ĐH QG TP.HCM	Từ xa	Công nghệ thông tin	2009	Khá			Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Đại học Hà Nội	05/12/2018	9.00					9.00						18.00														
16	Trần Mạnh Cường	Cường	Nam	08/06/1996	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2019	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		9.00				8.60						17.60														
17	Lê Quốc Cường	Cường	Nam	07/10/2003	Đại học Thủ đô Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.20					8.80						17.00														
18	Vũ Đức Cường	Cường	Nam	19/10/2003	Đại học Staffordshire, Anh		Khoa học máy tính (Công nghệ đám mây)	2024		x		Chương trình học ĐH bằng tiếng Anh	Đại học Staffordshire, Anh	10/09/2024	6.00					8.30						14.30														
19	Nguyễn Hải Đăng	Đăng	Nam	20/07/2003	Đại học Đại Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	17/05/2026		6.50				7.00						13.50														
20	Nguyễn Hoàng Điệp	Điệp	Nam	03/12/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			7.40			7.40						14.80														
21	Lê Anh Đức	Đức	Nam	28/10/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		7.10				7.40						14.50														
22	Trần Minh Đức	Đức	Nam	15/08/1997	Học viện Kỹ thuật mật mã	CQ	An toàn thông tin	2020	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	26/05/2026		8.40				8.90						17.30														

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương		
23	Nguyễn Thị Thuý	Dung	Nữ	19/02/1999	Đại học KHTN-ĐH Quốc gia HN	CQ	Toán tin ứng dụng	2022	Trung bình	x		BI Aptis ESOL	British Council	27/05/2026			6.90				7.20		14.10	
24	Mai Danh	Dũng	Nam	14/03/1997	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Trung bình			BI Aptis ESOL	British Council	10/06/2025				6.20					13.50	
25	Nguyễn Việt	Dũng	Nam	17/02/2000	Đại học Điện lực	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	9.30						7.70		17.00	
26	Nguyễn Hoàng Mạnh	Dũng	Nam	15/02/1998	Đại học Xây dựng	CQ	Công nghệ thông tin	2021	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.70					8.20			16.90	
27	Hoàng Minh	Dũng	Nam	23/09/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026					7.50				14.20	
28	Nguyễn Khánh Duy	Duy	Nam	24/02/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2026	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	5.60						8.20		13.80	
29	Vũ Thị Duyên	Duyên	Nữ	02/05/1998	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2021	Khá			BI Aptis ESOL	British Council	20/04/2026	8.20				6.70				14.90	
30	Nguyễn Thuý	Giang	Nữ	12/09/2001	Đại học Kinh tế quốc dân	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Khá			Bậc 4 tiếng Anh	Đại học Hà Nội	21/04/2026	7.20					8.40			15.60	
31	Đặng Minh Hà	Hà	Nam	14/07/2003	Đại học Giao thông vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Bậc 4 tiếng Anh	Đại học Bách Khoa Hà Nội	12/05/2026	7.90			7.40					15.30	
32	Nguyễn Ngọc Hà	Hà	Nữ	08/06/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	10.00					8.40			18.40	
33	Trần Tiến	Hải	Nam	28/09/2000	Đại học Mỏ Địa chất	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			BI Aptis ESOL	British Council	28/04/2026	5.95			5.95					11.90	
34	Trần Thị Hiền	Hiền	Nữ	27/03/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			8.90			7.50			16.40	
35	Vũ Trung Hiếu	Hiếu	Nam	16/12/2000	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ đa phương tiện	2025	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	6.00				7.80				13.80	
36	Nguyễn Văn Hiếu	Hiếu	Nam	16/01/2000	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025			6.30			8.00			14.30	
37	Nguyễn Thị Hoa	Hoa	Nữ	18/10/1984	Đại học Dân lập Hải Phòng	CQ	Tin học	2007	Khá			Cờ nhân ngôn ngữ Anh	Đại học Thái Nguyên	30/06/2025				7.00	9.00				16.00	
38	Nguyễn Thị Kim Hoa	Hoa	Nữ	29/07/2003	Đại học Đại Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026			9.50			9.00			18.50	
39	Nguyễn Văn Hoàng	Hoàng	Nam	25/01/1997	Đại học Mỏ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.30				8.20				16.50	
40	Tô Văn Hoàng	Hoàng	Nam	13/03/1999	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Trung bình			B2 Aptis ESOL	British Council	11/05/2026							7.50		15.60	
41	Nguyễn Lê Hoàng	Hoàng	Nam	30/10/2003	Đại học Troy	CQ	Khoa học máy tính	2025				B2 Aptis ESOL	British Council	11/03/2026				7.45			5.95		13.40	
42	Lê Tuấn Hùng	Hùng	Nam	04/09/1999	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025							6.30		12.80	
43	Đỗ Tiến Hưng	Hưng	Nam	13/08/1990	Đại học Thái Nguyên	Tư xa	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	9.00				9.00				18.00	
44	Nguyễn Sỹ Huy	Huy	Nam	20/10/2000	Đại học FPT	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2023	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	Tốt nghiệp 2023							6.40		13.60	
45	Bùi Đoàn Quang	Huy	Nam	16/10/2000	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	2022	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	7.45			7.70					15.15	
46	Nguyễn Đức	Huy	Nam	27/11/2002	Đại học Kiến trúc Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.20			8.00					16.20	

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ						ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
47	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/10/2002	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	06/03/2025		7.80					8.80	16.60
48	Vũ Đăng	Khoa	Nam	27/09/1998	Đại học Thương mại	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2020	Khá	x			B2 Aptis ESOL	British Council	07/02/2026		6.90			8.00			14.90
49	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	18/05/1996	Đại học Đại Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi				Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.50			8.50				17.00
50	Nguyễn Đức	Kiên	Nam	25/02/1998	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Trung bình				B1 Aptis ESOL	British Council	27/10/2025		6.40						14.20
51	Nguyễn Tùng	Lân	Nam	09/03/2003	Đại học Staffordshire, Anh	Liên kết	Khoa học máy tính (An ninh mạng)	2024					Chương trình học ĐH bằng tiếng Anh	Đại học Staffordshire, Anh	10/09/2024	6.00				8.30		7.80	14.30
52	Nguyễn Thị Mai	Lan	Nữ	30/03/1999	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Khá				C1 Aptis ESOL	British Council	01/04/2026		8.10			7.40			15.50
53	Phạm Văn	Lân	Nam	12/07/2002	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Công nghệ Kỹ thuật máy tính	2024	Khá	x			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		7.40			8.20			15.60
54	Hoàng Văn	Linh	Nam	16/08/1991	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	CQ	Công nghệ thông tin	2014	Trung bình				Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.80				7.70			14.50
55	Lê Khánh	Linh	Nữ	12/11/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi					Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		8.70			7.90			16.60
56	Nguyễn Văn	Lộc	Nam	18/08/1990	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	CQ	Công nghệ thông tin	2014	Khá				Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		6.90			6.30			13.20
57	Nguyễn Quốc	Lộc	Nam	28/09/2002	Đại học Thủy Lợi	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				B2 Aptis ESOL	British Council	28/04/2026		7.50			6.40			13.90
58	Lê Ngọc	Lợi	Nam	20/03/2000	Viện Vật lý kỹ thuật Marxova, Nga	CQ	Phân tích hệ thống và điều khiển	2024		x			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.00					7.70		15.70
59	Hoàng Bảo	Long	Nam	28/09/2000	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	An toàn thông tin	2022	TB.Khả				Chương trình học và Công nghệ bằng tiếng Anh	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	06/12/2022		6.50			8.40			14.90
60	Kiều Hải	Long	Nam	27/10/2001	Đại học Thăng Long	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		7.90			8.80			16.70
61	Ngô Anh	Long	Nam	18/04/1994	Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia Định	CQ	Công nghệ thông tin	2016	Khá				B2 Aptis ESOL	British Council	22/11/2025		7.45				9.50		16.95
62	Vũ Duy	Long	Nam	14/05/2000	Đại học Giao thông vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Trung bình				B2 Aptis ESOL	British Council	26/04/2026	8.20					7.20		15.40
63	Nguyễn Thành	Long	Nam	04/04/2000	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá					Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025			8.00			6.80		14.80
64	Nguyễn Thành	Luân	Nam	20/06/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá					Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	6.50					7.10		13.60
65	Trần Thị	Ly	Nữ	15/04/2003	Đại học Đại Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				B1 Aptis ESOL	British Council	17/05/2026		9.50				9.00		18.50
66	Chu Quang	Minh	Nam	15/08/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Trung bình	x	(Đ2.2025)			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		5.50			6.40			11.90
67	Nguyễn Bá Ngọc	Minh	Nam	05/09/2000	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin- Truyền thông	2023	Trung bình				Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Tốt nghiệp năm 2023	6.00				6.50			12.50
68	Trịnh Ngọc	Minh	Nam	18/01/1998	Học viện Kỹ thuật Quân sự	CQ	Kỹ thuật Điện tử	2024	Trung bình	x			B1 Aptis ESOL	British Council	04/05/2026	7.00				8.10			15.10
69	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	18/03/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Trung bình	x	(Đ2.2025)			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	7.00				7.90			14.90
70	Nguyễn Phương	Nam	Nam	20/12/1996	Học viện Kỹ thuật mật mã	CQ	An toàn thông tin	2020	Trung bình				B1 Aptis ESOL	British Council	08/11/2025	7.30				7.30			14.60

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	
					Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chương chi tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cần trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương		
71	Bùi Tuấn	Nam	Nam	06/12/2003	Đại học Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh	ĐH Hà Nội	2025		6.90			8.10					15.00
72	Giáo Phương	Nam	Nam	20/07/2000	Đại học FPT	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2022	Khá			Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh	ĐH FPT	2022		7.20			7.00					14.20
73	Nguyễn Khánh	Nam	Nam	29/03/1999	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin và truyền thông	2020	TB.Khả			Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	02/12/2020		7.50			5.50					13.00
74	Vũ Phương	Nam	Nam	13/09/1999	Đại học Mở Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Trung bình			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		5.60			8.30		5.30			10.90
75	Dương Tuấn	Nam	Nam	09/10/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		10.00			8.50					18.30
76	Nguyễn Quang	Ngũgia	Nam	02/10/1993	Đại học Công nghệ - ĐH Quốc Gia HN	CQ	Công nghệ Điện tử Viễn thông	2015	Giỏi	Đợt 2.2025		B1 Aptis ESOL	British Council	16/07/25025	6.70				8.60					15.20
77	Nguyễn Trọng	Nguyễn	Nam	25/08/1995	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ Kỹ thuật điện tử	2018	Trung bình	x Đ2.2025		Cử nhân NN Anh	ĐH Công nghệ và Quản lý Hữu nghị	02/12/2022	5.00				8.80					13.60
78	Nguyễn Đình	Nguyễn	Nam	29/03/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			B1 Aptis ESOL	British Council	27/05/2026		8.90					6.50			15.40
79	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/03/1996	ĐH CNTT và truyền thông - Đại học Thái Nguyên	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2020	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	27/09/2025		6.50					6.80			13.30
80	Nguyễn Văn	Phé	Nam	03/06/1992	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	CQ	Công nghệ thông tin	2015	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.00	8.30			7.70					16.00
81	Hoàng Anh	Phi	Nam	27/05/1988	Học viện Kỹ thuật Quân sự	LTCQ	Kỹ thuật điện-điện tử	2013	TB.Khả	x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		8.40			8.40					14.40
82	Vũ Thanh	Phong	Nam	18/05/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ đa phương tiện	2026	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	7.20				7.80					15.00
83	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	19/10/1996	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	24/04/2026	9.60				8.10					17.70
84	Trần Tuấn	Phúc	Nam	12/02/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		5.30			7.70					13.00
85	Lưu Văn	Phương	Nam	13/03/2000	Đại học Điện lực	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.00						8.50			16.50
86	Nguyễn Ngọc	Quang	Nam	05/10/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		8.30				8.00				16.30
87	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	02/02/1995	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2019	Trung bình			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học PHENIKAA	21/05/2026		8.40					8.40			16.80
88	Đỗ Văn	Quỳnh	Nam	01/11/1999	Học viện Kỹ thuật quân sự	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Khá			B1 Cambridge English	English Cambridge University Press & Assessment	03/08/2025		7.30					7.80			15.10
89	Nguyễn Hữu	Quyết	Nam	17/08/2001	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	TB.Khả			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	2025		6.00			7.40					13.40
90	Đào Văn	Sáng	Nam	10/10/1991	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	CQ	Tin học ứng dụng	2013	Trung bình			Bậc 3 Tiếng Anh	Học viện Khoa Quân Sư	29/08/2025		6.80				7.30				14.10
91	Phạm Duy	Thái	Nam	09/06/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		7.90				6.00				13.90
92	Nguyễn Trần Đức	Thắng	Nam	08/12/2002	Đại học Khoa học tự nhiên - Đại học Quốc Gia HN	CQ	Máy tính và khoa học thông tin	2025	Trung bình	x		B1 Aptis ESOL	British Council	13/03/2026		7.40			7.50					14.90
93	Nguyễn Công	Thắng	Nam	16/09/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 8/2024		8.10					5.60			13.70
94	Trần Đức	Thanh	Nam	04/10/1996	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		8.70			7.70					16.40

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HITT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
95	Đào Duy	Thông	Nam	02/07/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		9.10				8.10			17.20
96	Nguyễn Quốc	Tiến	Nam	16/06/2003	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	TB.Khá			Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh	ĐH FPT	2025	6.70				6.50				13.20
97	Lê Vũ	Toàn	Nam	04/08/1975	Học viện Công nghệ BCVT	Từ xa	Công nghệ thông tin	2011	TB.Khá			Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp	27/03/2026		7.00			7.00				14.00
98	Trần Thu	Trà	Nữ	12/12/2002	Đại học Công nghệ thông tin-ĐH QG TPHCM	CQ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	2025	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	27/05/2026	6.40				5.00				11.40
99	Đàm Thiện	Trang	Nam	01/12/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2025	Trung bình	x (Đợt 2.2025)			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp năm 2025	5.40				6.40				11.80
100	Lê Quang	Trung	Nam	31/12/2003	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	Tốt nghiệp 2025		7.60					6.60		14.20
101	Đỗ Thế	Tuân	Nam	04/12/1999	Học viện Kỹ thuật Quân sự	CQ	KT Điện dân sự	2024	Trung bình	x		B2 Aptis ESOL	British Council	04/05/2026	7.00				8.10				15.10
102	Hoàng Anh	Tuân	Nam	11/03/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2026		x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		6.90					8.10		15.00
103	Dương Viết	Tùng	Nam	24/11/2003	Đại học Staffordshire, Anh	Liên kết	Khoa học máy tính (Công nghệ đám mây)	2024		x		Chương trình học ĐH bằng tiếng Anh	Đại học Staffordshire, Anh	10/09/2024	6.00				7.50				13.50
104	Lê Bảo	Vân	Nữ	26/07/2002	Đại học Kinh tế quốc dân	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		7.50					9.30		16.80
105	Vũ Quốc	Viết	Nam	04/04/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		8.50				6.80			15.30
106	Nguyễn Viết	Vinh	Nam	13/01/1991	Đại học Điện lực	CQ	Điện tử viễn thông	2015	Khá	x (Đ2.2025)		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	7.00				8.50				15.50
107	Trần Ngọc	Vinh	Nam	21/09/2002	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			Chương trình ĐH đào tạo bằng tiếng Anh	Đại học FPT	2024		7.60					8.20		15.80

Danh sách gồm: 107 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026
CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số 1874/QĐ-HV ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ						ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương				
1	Đào Bình	An	Nam	24/08/2004	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	05/03/2026	6.40							6.50				12.90
2	Nguyễn Quảng	An	Nam	31/08/2000	Học viện Kỹ thuật mật mã	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Giỏi			C1 Aptis ESOL	British Council	17/05/2026	8.30				7.70							16.00
3	Phan Quốc	Anh	Nam	13/08/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			APTIS ESOL B1	British Council	09/03/2026			8.90				7.70					16.60
4	Hoàng Tuấn	Anh	Nam	24/02/2000	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi			B1 Aptis ESOL	British Council	07/02/2026							7.52					15.26
5	Phạm Tuấn	Anh	Nam	05/09/2001	Học viện Kỹ thuật mật mã	CQ	An toàn thông tin	2024	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	12/04/2026	7.60						5.50					13.10
6	Lưu Ngọc	Anh	Nữ	15/06/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			10.00					7.30				17.30
7	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	09/08/2002	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	CQ	CN KT Điện tử viễn thông	2024	Khá	x		B1 Aptis ESOL	British Council	28/04/2026	5.20				9.00							14.20
8	Hoàng Minh Đức	Anh	Nam	10/10/2000	Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia HN	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	27/05/2026	9.50								7.70			17.20
9	Vũ Tuấn	Anh	Nam	02/10/2000	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện điện tử	2023	Trung bình	x		Aptis ESOL B1	British Council	02/6/2026	6.00				7.50							13.50
10	Nguyễn Tiến	Anh	Nam	13/07/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			10.00			8.70						18.70
11	Mai Đức	Bình	Nam	22/05/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			10.00		9.60							19.60
12	Lê Đình	Cường	Nam	13/08/1996	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2020	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	12/05/2026			7.60		6.80							14.40
13	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	02/01/1998	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	2021	Khá	x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.00				8.10							14.10
14	Trần Vũ	Đạt	Nam	07/07/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	3/2024	Khá	x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	7.50							5.50				13.00
15	Ngô Quý	Đạt	Nam	17/08/2002	Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			C1 Aptis ESOL	British Council	24/05/2026			8.30					7.30				15.60
16	Trần Quý	Đạt	Nam	13/12/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	9.40				9.20							18.60
17	Phan Văn	Diễn	Nam	05/08/2002	Đại học Mỏ Hà Nội	CQ	Công nghệ Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Giỏi	x		Bậc 3 tiếng Anh	Học viện Báo chí và tuyên truyền	12/08/2025	7.00				8.70							15.70
18	Nguyễn Hữu	Điệp	Nam	11/02/1998	Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	21/03/2026			6.60		8.70							15.30
19	Trịnh Thị Huyền	Diệu	Nữ	25/09/2002	Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp	CQ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	2024	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Hà Nội	11/11/2025			8.70			8.20						16.90

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN								
					Trường cấp bằng	Hình thức DT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm		Môn khác tương đương							
20	Nguyễn Huy	Đình	Nam	21/02/1999	ĐH Bách Khoa Hà Nội	CQ	Kỹ thuật máy tính	2022	Giỏi	x		APTIS ESOL B2	British Council	31/12/2025		7.45			8.20										15.65	
21	Nguyễn Thành	Đức	Nam	30/04/1991	ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2016	TB.Khá			IELTS 7.0	IDP Việt Nam	03/03/2026		5.90			7.40										13.30	
22	Trần Đoàn Minh	Đức	Nam	05/12/1988	Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2016	Giỏi			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		6.50					8.85								15.35	
23	Phạm Ngọc Việt	Đức	Nam	26/08/2000	Đại học Công nghệ - ĐH Quốc Gia Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	19/04/2026	7.90				7.20										15.10	
24	Cao Việt	Đức	Nam	19/04/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			10.00		9.30										19.30	
25	Trần Anh	Đức	Nam	08/07/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	10.00				9.00										19.00	
26	Trần Minh	Đức	Nam	17/11/2003	Đại học Khoa học tự nhiên-ĐH Quốc gia HN	CQ	Toán tin	2026	Khá	x		C1 Aptis ESOL	British Council	08/03/2026	8.80				7.80										16.60	
27	Trần Như	Đức	Nam	05/03/1998	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2024	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 8/2024	6.00				8.20										14.20	
28	Phan Thị Thuý	Dung	Nữ	02/04/1995	Học viện Ngân hàng	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2020	Trung bình	x		B2 Aptis ESOL	British Council	11/04/2026	5.90						7.20								13.10	
29	Đặng Ngọc	Dũng	Nam	19/04/1992	Đại học FPT	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2014	Khá			Chương trình học bằng Tiếng Anh	Đại học FPT	2014		6.90			8.10											15.00
30	Trần Việt	Dũng	Nam	12/01/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		8.90			8.30										17.20	
31	Lê Trung	Dũng	Nam	09/06/2003	Đại học Công nghệ Đông Á	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.10				8.10										16.20	
32	Nguyễn Đức	Dũng	Nam	30/11/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		9.90			8.20		7.30								18.10	
33	Lô Văn	Dương	Nam	07/02/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	8.00														15.30	
34	Nguyễn Anh	Dương	Nữ	09/09/2003	Đại học Thương mại	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2025	Xuất sắc	x		5.0 IELTS	British Council	29/12/2025		9.00			8.80										17.80	
35	Vũ Việt	Duy	Nam	10/10/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ Đa phương tiện	2025	Khá	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		9.00			8.70										17.70	
36	Bùi Đức	Giang	Nam	13/09/1996	Đại học Giao thông Vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2018	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	9.30														17.60	
37	Đỗ Thu	Hà	Nữ	09/11/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		8.70					8.30								17.00	
38	Bùi Hoàng	Hà	Nam	27/06/2001	Đại học Điện lực	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			B1 Aptis ESOL	British Council	25/05/2026	9.30														17.70	
39	Đỗ Phan	Hà	Nam	11/08/2002	Đại học Công nghệ và quản lý hưu nghỉ	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	21/05/2026	7.80				9.00										16.80	
40	Vũ Ngọc	Hào	Nam	13/01/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	9.90						8.80								18.70	

BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC										ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường cấp bằng	Hình thức DT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Tuần rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
41	Trần Văn	Hào	Nam	07/09/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025			7.90			9.00			16.90
42	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Nam	09/12/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			9.30			8.90			18.20
43	Trương Bá Hoàng	Hiệp	Nam	03/08/2003	Đại học Hàng Hải Việt Nam	CQ	Công nghệ thông tin		Giỏi			IELTS 5.5	IDP Việt Nam	01/02/2026			9.10			7.80			16.90
44	Đỗ Minh	Hiếu	Nam	05/09/1999	Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	7.40				8.70			16.10	
45	Lê Trung	Hiếu	Nam	23/01/2002	Đại học Giao thông vận tải	CQ	Kỹ thuật Điện tử Viễn thông	2025	Giỏi	x (Đ2.2025)		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	7.00				8.00				15.00
46	Phùng Đức	Hiếu	Nam	04/01/2004	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	05/03/2026	9.40				7.90				17.30
47	Đậu Quang	Hiếu	Nam	12/01/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			9.00		7.40				16.40
48	Tê Trung	Hiếu	Nam	01/11/1997	Đại học Tân Trào	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	03/04/2025			9.00		8.00				17.00
49	Nguyễn Hữu Quang	Hoà	Nam	25/06/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	9.40				9.10				18.50
50	Vũ Minh	Hoàng	Nam	29/03/1983	Đại học Khoa học tự nhiên- ĐHQG Gia Hà HN	CQ	Toán tin ứng dụng	2005	Khá	x		C1 Aptis ESOL	British Council	21/11/2025	6.00				9.00				15.00
51	Lê Huy	Hoàng	Nam	23/10/2000	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	24/05/2026			7.80		7.00				14.80
52	Nguyễn Tuấn	Hùng	Nam	19/06/2003	Đại học Công nghệ, ĐHQG Gia Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2025	Giỏi			IELTS 7.5	British Council VN	10/10/2024			8.00		7.00				15.00
53	Nguyễn Quang	Huy	Nam	09/11/2002	Đại học Công nghiệp Hà Nội	CQ	Khoa học máy tính	2024	Khá			B1 VEPT	Pearson	25/04/2026	5.20				8.20				13.40
54	Trần Mạnh	Huy	Nam	27/10/2002	Đại học Công nghệ - ĐHQG Gia Hà Nội	CQ	Điện tử viễn thông	2024	Khá	x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.50					7.60			14.10
55	Đổng Đức	Khôi	Nam	19/10/2001	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá			B1 Aptis ESOL	British Council	07/12/2025	6.80						8.00		14.80
56	Đặng Trần	Kiên	Nam	30/03/1996	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Điện tử viễn thông	2019	Khá	x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.00				8.70				14.70
57	Phùng Văn	Lâm	Nam	25/09/2004	Đại học Thương mại	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2025	Giỏi	x		Bậc 4 Tiếng Anh	Đại học Thương mại	03/03/2026			7.70			8.20			15.90
58	Mai Ngọc	Lâm	Nam	22/04/2001	Đại học Công nghệ Đại học Quốc Gia Hà Nội	CQ	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	2024	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	12/05/2026	7.90				8.5				16.40
59	Vũ Hoàng	Lâm	Nam	20/04/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			8.00				6.30		14.30
60	Bùi Thị Hoàng	Lan	Nữ	08/09/2002	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			IELTS 5.5	British Council VN	19/04/2026			7.20				8.40		15.60
61	Trần Tuấn	Linh	Nam	12/06/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ Đa phương tiện	2026	Giỏi	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	8.70				7.70				16.40

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	
					Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương		
62	Lê Nguyễn Phương	Linh	Nữ	17/09/2001	Học viện Ngân hàng	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2023	Trung bình	x (22.2025)		B2 Aptis ESOL	British Council	10/04/2026		6.60			7.80					14.40
63	Trịnh Trần	Lộc	Nam	03/11/2001	Đại học Hàng Hải Việt Nam	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Xuất sắc			B2 Aptis ESOL	British Council	25/05/2026		9.40			8.30					17.70
64	Trần Thanh	Long	Nam	19/10/2000	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin- Truyền thông	2021	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Tốt nghiệp năm 2021	6.40					7.20			13.60	
65	Bùi Thị	Lua	Nữ	26/09/1998	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2021	Giỏi			B2 Aptis ESOL	British Council	17/05/2026	9.00			8.80					17.80	
66	Nguyễn Văn	Lương	Nam	18/01/1997	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2021	Trung bình			Aptis ESOL B1	British Council	02/06/2026			7.80	5.30					13.10	
67	Bùi Đức	Mạnh	Nam	24/04/2003	Đại học Kinh tế- Kỹ thuật công nghiệp	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá			Aptis ESOL B1	British Council	26/05/2026		6.70				7.45			14.15	
68	Lương Đức	Mạnh	Nam	01/07/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	9.00			7.60					16.60	
69	Nguyễn Quang	Minh	Nam	04/12/2000	Đại học Giao thông Vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Giỏi			APTIS ESOL B2	British Council	23/11/2025		7.40				8.30			15.70	
70	Hà Gia	Minh	Nam	13/09/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		7.80				7.70			15.50	
71	Phan Đỗ Hải	Minh	Nam	28/08/2000	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Trung bình			B2 Aptis ESOL	British Council	03/05/2026	5.95					8.20			14.15	
72	Lê Khánh	Minh	Nam	17/03/2002	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin- Truyền thông	2025	Khá			Chương trình ĐH học bằng tiếng Anh	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	2025		8.25		6.80					15.05	
73	Phan Văn	Nam	Nam	10/09/2003	Đại học Tân Trào	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	03/04/2025			9.00			7.70			16.70	
74	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	04/02/2002	Đại học Giao thông Vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			TOEIC 4 kỹ năng	ETS	Đọc 120, Viết 150 (15/04/2026) Nghe 440, Nói 355 (16/08/2024)		8.50			8.00				16.50	
75	Lại Quang	Nam	Nam	11/03/2001	Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Xuất sắc			B2 Aptis ESOL	British Council	06/04/2026	9.30					8.10			17.40	
76	Bùi Hoài	Nam	Nam	04/11/1986	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2011	Khá			Cử nhân NN Anh	Đại học Thái Nguyên	16/03/2023	6.00				6.00				12.00	
77	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	02/08/1980	Học viện Công nghệ BCVT	Từ xa	Công nghệ thông tin	2009	TB.Khả			Bậc 3 Tiếng Anh	Học viện Khoa học Quân Sự	09/07/2025		5.00							11.00	
78	Lư Trọng	Nguyễn	Nam	23/05/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 13/03/2024		8.80			8.70				17.50	
79	Vũ Tiến	Phúc	Nam	28/05/2003	Đại học Mỏ Địa chất	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Giỏi			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QB 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.70				8.70				15.40	
80	Nguyễn Anh	Quân	Nam	05/03/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	10.00			9.20					19.20	
81	Nguyễn Minh	Quang	Nam	07/11/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		9.00				7.30			16.30	
82	Lê Như	Quỳnh	Nữ	09/09/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		9.60		8.40					18.00	
83	Nguyễn Hồng	Son	Nam	19/05/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	8.80			7.00					15.80	

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN				
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp		Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề thi và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương						
84	Nguyễn Hoàng	Son	Nam	16/08/2004	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	05/03/2026	7.50				7.10									14.60
85	Trịnh Ngọc	Tâm	Nam	07/05/2001	Đại học Công nghệ- ĐHQG Gia Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2021	Giỏi			Bậc 4 tiếng Anh	Đại học ngoại ngữ- ĐHQG Quốc gia Hà Nội	25/12/2025		9.40			7.40									16.80
86	Đoàn Đức	Thành	Nam	11/10/1984	Học viện Kỹ thuật quân sự	LTCQ	Công nghệ thông tin	2010	Trung bình						7.00						5.00							12.00
87	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	29/08/1997	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi												8.60							17.10
88	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	06/08/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi																			18.30
89	Lê Đức	Tiến	Nam	20/07/1995	Đại học Mỹ Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá						7.80				6.20									14.00
90	Trịnh Đăng	Tỉnh	Nam	11/11/2002	Đại học Thương mại	CQ	Hệ thống thông tin quản lý	2024	Xuất sắc	x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.00				8.70									14.70
91	Hoàng Minh	Toàn	Nam	01/07/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá																			16.20
92	Dương Văn	Toàn	Nam	28/04/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi										9.00									19.00
93	Kiều Linh	Trang	Nữ	09/05/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi																			18.40
94	Đỗ Khắc	Tru	Nam	02/09/1991	Đại học Bách Khoa Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2014	Khá																			15.65
95	Lê Quang	Trung	Nam	31/12/2003	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Khá																			14.20
96	Trần Vũ	Trường	Nam	13/01/1999	Đại học FPT	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2022	Giỏi						7.30				7.90									15.20
97	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	24/09/1990	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2014	TB.Khá																			13.00
98	Nguyễn Hữu	Tuân	Nam	17/05/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2025	Xuất sắc																			17.70
99	Vũ Sơn	Tùng	Nam	23/08/2000	Đại học Kiến trúc Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Khá						7.4													15.50
100	Nguyễn Thu	Tươi	Nữ	16/02/2001	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá																			15.90
101	Vũ Thành	Tuyến	Nam	05/05/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi																			17.40
102	Nguyễn Thế	Vũ	Nam	05/06/2002	Đại học FPT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	TB.Khá																			13.40
103	Hoàng Anh	Vũ	Nam	27/11/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Xuất sắc						9.30				9.30									18.60
104	Nguyễn Văn	Vui	Nam	30/09/1990	Đại học FPT	CQ	Kỹ thuật phần mềm	2014	TB.Khá						5.60				7.30									12.90

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Cấu trúc đề liệu và giải thuật	Toán rời rạc	Ngôn ngữ lập trình C++	Môn khác tương đương	Cơ sở dữ liệu	Phân tích thiết kế HTTT	Công nghệ phần mềm	Môn khác tương đương	
105	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	18/08/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ thông tin	2026	Giỏi			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026			10.00	8.90						18.90

Danh sách gồm: 105 thí sinh

Người lập biểu

[Signature]

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH - CƠ SỞ PHÍA BẮC

(Kèm theo Quyết định số 1884/QĐ-HV ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	Điều kiện về trình độ quản lý	
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Kinh tế vi mô	Kinh tế vĩ mô	Toán kinh tế	Môn khác tương đương	Quản trị học	Quản trị chiến lược	Phần tích hoạt động kinh doanh	Môn khác tương đương			
1	Ngô Kiều	Anh	Nữ	29/04/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Thương mại điện tử	2024	Khá			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 8/2024			6.80		8.60					15.40	CV VH&QL đối tác và đối mới sáng tạo, TTEMST&2 KN
2	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	24/11/1997	Đại học Kinh tế Quốc dân	2019	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh Thương mại)	2019	Khá	x	Cử nhân ngôn ngữ Anh	Đại học Kinh tế Quốc dân	2019			7.90		7.80					15.70	
3	Nguyễn Thị Minh Ánh	Ánh	Nữ	16/09/2002	Học viện Tài chính	CQ	Quản trị kinh doanh	2024	Khá		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026			8.00		8.50					16.50	CV VH&QL đối tác và đối mới sáng tạo, TTEMST&2 KN
4	Dương Ngọc Ánh	Ánh	Nữ	22/10/1999	Đại học Giáo dục, Đại học QGHN	2022	Quản trị trường học	2022	Giỏi	x	B1 Aptis ESOL	British Council	13/04/2026					7.00	7.40				14.40	CV VH&QL đối tác và đối mới sáng tạo, TTEMST&2 KN
5	Bùi Mai Chi	Chi	Nữ	18/10/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Công nghệ tài chính	2025	Khá	x	B2 Aptis ESOL	Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025	8.70					7.80				16.50	
6	Nguyễn Huyền Diệu	Diệu	Nữ	01/02/2003	Học viện Công nghệ BCVT	VLVH	Quản trị kinh doanh	2026	Khá			British Council	01/09/2025	6.30			8.20						14.50	
7	Nguyễn Việt Đức	Đức	Nam	07/08/2001	Học viện Báo chí và tuyên truyền	CQ	Báo chí	2024	Khá	x	Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	8.00					7.50				15.50	Báo chí và Truyền thông Quản lý kinh tế và Quản lý tài chính và Quản lý nhân lực và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể thao và Quản lý nghệ thuật và Quản lý công nghệ và Quản lý môi trường và Quản lý xã hội và Quản lý văn hóa và Quản lý thể



TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	Điều kiện về trình độ quản lý
					Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp		BS kiểm thức	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Kinh tế vĩ mô	Toán kinh tế	Môn khác tương đương	Quản trị học	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Môn khác tương đương			
21	Nguyễn Anh	Quân	Nam	29/11/2003	Trường Quốc tế-ĐH Quốc gia HN	CQ	Kinh doanh quốc tế	2025	Khá		Chương trình đào tạo bằng TA	Trường Quốc tế ĐH Quốc gia HN	12/11/2025		7.45				8.20				15.65	
22	Lê Nguyễn Minh	Thái	Nam	03/09/2001	ĐH Kinh tế-ĐH Quốc Gia HN liên kết với ĐH Troy Hoa Kỳ	CQ	Quản trị kinh doanh	2025			Bậc 4 tiếng Anh	Đại học Hà Nội	14/10/2025		7.45				7.45				14.90	
23	Vũ Văn	Thành	Nam	19/11/1991	Đại học Thương mại	VLVH	Quản trị kinh doanh	2021	Giỏi		B2 Aptis ESOL	British Council	27/04/2026		8.00			7.00				15.00		
24	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	04/12/2004	Đại học Đại Nam	CQ	Tài chính ngân hàng	2026	Giỏi	x	B2 Aptis ESOL	British Council	10/05/2026	8.50				6.70				15.20		
25	Phạm Quốc	Việt	Nam	01/09/1997	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2020	Khá	x	Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		8.00				7.80			15.80	Kinh doanh tại CT giải pháp DN Vietel	

Danh sách gồm: 25 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026
CHUYÊN NGÀNH: KỸ THUẬT VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA NAM

(Kèm theo Quyết định số 1879/QĐ-HV ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	
						Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Lý thuyết mạch	Xếp loại hiện tại	Lý thuyết truyền thông tin	Môn khác tương đương	Kỹ thuật mạng truyền thông	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	Kỹ thuật thông tin quang	Môn khác tương đương		
1	Nguyễn Châu	Châu	Nữ	01/10/2003	Kinh	Học viện CN BCVT	CQ	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CN BCVT	Tốt nghiệp 2026		8.70			7.80					16.50
2	Trần Quý	Hòa	Nam	20/10/2003	Kinh	Trường Đại học Tôn Đức Thắng	CQ	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	2026	Trung bình Khá			BI Aptis ESOL	British Council	19/05/2026	6.10				7.20			Hệ thống thông tin vô tuyến		13.30
3	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	20/11/2002	Kinh	Học viện CN BCVT	CQ	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	2025	Khá				Sinh viên Học viện CN BCVT	Tốt nghiệp 2025		8.80		7.30						16.10
4	Phan Hoàng	Khang	Nam	18/09/1995	Kinh	Học viện CN BCVT	CQ	Kỹ thuật Điện tử, truyền thông	2018	Trung bình			Bằng Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	12/02/2026		7.70			6.90					14.60

Danh sách gồm: 04 thí sinh

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Hạnh



CHUYÊN NGÀNH: HỆ THỐNG THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÁP NAM
(Kèm theo Quyết định số 1874/QĐ-HIV ngày 6 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

Danh sách gồm: 10 thí sinh

RL

Dinh Thi Bich Hanh



PGS.TS. Trần Quang Anh

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH - CƠ SỞ PHÍA NAM

(Kèm theo Quyết định số 1874/QĐ-HV ngày 06 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					BS kiến thức	Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	Điều kiện về trình độ quản lý
						Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp			Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Kinh tế vĩ mô	Kinh tế vĩ mô	Toán kinh tế	Môn khác tương đương	Quản trị học	Phân tích hoạt động kinh doanh	Môn khác tương đương				
1	Lê Huy	Bình	Nam	21/07/1994	Kinh	Đại học Kinh tế Quốc Dân	Từ xa	Tài chính - Ngân hàng	2025	Giỏi	X		Bậc 4	Đại học Kinh tế TP.HCM	02/07/2024		7.90			8.60			Quản lý học	16.50		
2	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	15/11/1988	Thái	Học viện CN BCVT	CQ	Kỹ thuật Điện tử viễn thông	2013	Khá	X		Đánh giá Năng lực NN	Đại học Thái Nguyên		7.70			8.20					15.90	Trưởng P Hành chính nhân sự, CT TNHH MTV Cấp quang	
3	Hoàng Thu	Trang	Nữ	09/06/2002	Kinh	Học viện CN BCVT	CQ	Kế toán	2024	Giỏi	X			Sinh viên Học viện CN BCVT		8.10				9.10			17.20			
4	Vũ Thị Thu	Thảo	Nữ	13/09/1993	Kinh	Đại học Kinh tế TP.HCM	CQ	Quản trị kinh doanh	2015	Khá			Cử nhân ngôn ngữ Anh	Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - ĐH Quốc Gia Tp.HCM	28/05/2015	8.30				9.30			17.60			

Danh sách gồm: 04 thí sinh

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Hạnh



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026
CHUYÊN NGÀNH: AN TOÀN THÔNG TIN - CƠ SỞ PHÍA BẮC
(Kèm theo Quyết định số 1834/QĐ-HV ngày 26/04/2026 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trình độ Thạc sĩ đợt 1 năm 2026)

TT			Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC					ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN
							Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mạng máy tính	Cơ sở an toàn thông tin	Mật mã học cơ sở	Môn khác tương đương	An toàn mạng	Kiểm thử xâm nhập	An toàn ứng dụng web và cơ sở dữ liệu	Môn khác tương đương	
1	Đỗ Đức Quốc	Anh	Nam	14/10/2001	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Khá	2024	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp	13/03/2024		8.90				9.10			18.00
2	Đinh Việt	Anh	Nam	24/05/2002	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Khá	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp	2025		10.00			9.00				19.00
3	Lê Đức	Anh	Nam	15/03/2003	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Giỏi	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp	2026		9.50			9.40				18.90
4	Nguyễn Đăng Tuấn	Báo	Nam	25/05/2002	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Khá	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp	2025		9.20			8.80				18.00
5	Trần Văn	Chinh	Nam	31/05/2003	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Giỏi	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp	2026	8.00				10.00				18.00
6	Mai Minh	Đức	Nam	13/09/1997	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	Điện tử viễn thông	Trung bình	2021	Trung bình	x			B2 Aptis ESOL	British Council	24/05/2026	8.60				5.00				13.60
7	Dương Đình	Dũng	Nam	04/10/2000	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Khá	2023	Khá				B2 Aptis ESOL	British Council	19/05/2026		9.00				9.30			18.30
8	Nguyễn Thái	Dương	Nam	04/07/2003	CQ	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	An toàn thông tin	Khá	2024	Khá				Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	26/11/2024	8.30								16.40
9	Phạm Thị Ninh	Giang	Nữ	09/07/1996	CQ	Học viện Quản lý giáo dục	Công nghệ thông tin	Khá	2019	Khá	x			Cử nhân NN Anh	Đại học Thái Nguyên	30/12/2025		8.00			5.40		8.10		16.40
10	Nguyễn Đình	Hải	Nam	27/10/2003	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Khá	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp	2026		8.60			10.00				18.60
11	Đỗ Trọng	Hiệp	Nam	25/06/1997	CQ	Đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử viễn thông	Khá	2022	Khá	x			B2 Aptis ESOL	British Council	31/05/2026		6.40			5.00				11.40
12	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	09/12/1999	CQ	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Công nghệ thông tin	Khá	2021	Khá				Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026					6.00				13.20
13	Đoàn Văn	Hoàng	Nam	19/04/1997	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Trung bình	2024	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp	10/2024		6.90			7.20				14.10
14	Đỗ Lê Mạnh	Hùng	Nam	30/07/2002	CQ	Đại học Công nghệ - Đại học Quốc Gia Hà Nội	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Giỏi	2024	Giỏi	x			Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026			8.90		7.20				16.10
15	Ninh Tuấn	Hưng	Nam	15/12/2003	CQ	Đại học FPT	Công nghệ thông tin/CN An toàn thông tin	Khá	2025	Khá				Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	2025	7.30								16.00
16	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	04/07/2001	CQ	Học viện Kỹ thuật mật mã	An toàn thông tin	Khá	2024	Khá				Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		7.60			6.50				14.10
17	Nguyễn Thái	Hữu	Nam	20/05/1999	CQ	ĐH Công nghệ TT&TT - ĐH Thái Nguyên	An toàn thông tin	Trung bình	2024	Trung bình				Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026	6.50					7.30			13.80
18	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	29/12/2002	CQ	Đại học FPT	Công nghệ thông tin/ An toàn thông tin	Khá	2024	Khá				IELTS 5.0	British Council	30/12/2024	9.80				8.00				17.80
19	Trần Quang	Huy	Nam	04/01/2002	CQ	Học viện Công nghệ BCVT	An toàn thông tin	Khá	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp	2025		8.80			8.10				16.90

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH				ĐIỂM MÔN CƠ SỞ					ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN						
					Trường cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS liên tục	Ưu tiên	Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mạng máy tính	Cơ sở an toàn thông tin	Mật mã học cơ sở	Môn khác tương đương	An toàn mạng	Kiểm thử xâm nhập	An toàn ứng dụng web và cơ sở dữ liệu	Môn khác tương đương								
20	Trần Duy	Khai	Nam	10/07/2000	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	CN Kỹ thuật điện tử	2023	Khá	x		APTIS ESOL B1	British Council	03/04/2026		6.40			6.00										12.40	
21	Nguyễn Văn	Khoa	Nam	10/11/2002	Đại học Mở Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2024	Khá			Bậc 3 tiếng Anh	Đại học Bách Khoa Hà Nội	17/04/2026	6.60				5.40										12.00	
22	Lê Thị	Linh	Nữ	01/08/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2024	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	24/05/2026		8.90			8.50										17.40	
23	Nguyễn Thành	Long	Nam	14/11/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	2026				8.10											15.40	
24	Đặng Văn	Long	Nam	22/12/2001	Đại học FPT	CQ	Chuyên ngành An toàn thông tin	2026	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	05/03/2026	8.50					8.10									16.60	
25	Nguyễn Phương	Mai	Nữ	14/08/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2026	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		9.30			9.80										19.10	
26	Đào Xuân	Mạnh	Nam	28/08/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		8.80			10.00										18.80	
27	Nguyễn Văn	Minh	Nam	26/09/2000	Đại học FPT	CQ	An toàn thông tin	2023	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	23/02/2023	8.40				8.60											17.00
28	Nguyễn Bình	Minh	Nam	01/09/1999	Đại học Điện lực	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Giỏi	x		B2 Aptis ESOL	British Council	31/05/2026	7.00														15.10	
29	Chu Văn	Nam	Nam	01/10/2002	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	An toàn thông tin	2025	TB.Khả			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	12/03/2025	8.60														16.45	
30	Nguyễn Giang	Nam	Nam	16/11/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2026	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		9.10			9.70										18.80	
31	Dương Văn	Nhã	Nam	02/02/2001	Đại học Thủ Đô Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2023	Khá	x		B1 Aptis ESOL	British Council	26/04/2026				7.20	7.00										14.20	
32	Mai Xuân	Nhật	Nam	18/05/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026	9.00				9.60										18.60	
33	Lục Nguyễn Trang	Như	Nữ	16/10/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2025	Xuất sắc				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		9.70			9.10										18.80	
34	Trần Thị	Nhung	Nữ	17/01/1989	Học viện Công nghệ BCVT	Tư xa	Công nghệ thông tin	2026	Khá	x		B1 Aptis ESOL	British Council	10/05/2026	7.90				5.70											13.60
35	Nguyễn Ngọc	Quân	Nam	05/02/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2025	Khá				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		10.00			9.50										19.50	
36	Hoàng Quốc Minh	Quân	Nam	19/10/2003	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	CQ	An toàn thông tin	2024	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	26/11/2024	7.80														16.70	
37	Nguyễn Đình	Quyết	Nam	28/08/2000	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2024	Trung bình				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 21/08/2024		8.40			8.20										16.60	
38	Hoàng Văn	Thái	Nam	09/10/2003	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2026	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2026		8.10			9.20										17.30	
39	Nguyễn Toàn	Thắng	Nam	18/04/2002	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2025	Giỏi				Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		9.40			7.60										17.00	
40	Đặng Phương	Thảo	Nữ	06/03/2001	Đại học Quốc Gia Hà Nội	CQ	Tin học và kỹ thuật máy tính	2024	Giỏi	x		APTIS ESOL B2	British Council	27/10/2024				5.90											13.90	
41	Lê Thị	Thu	Nữ	14/06/1996	Đại học Bách khoa Hà Nội	VLVH	Công nghệ thông tin	2021	Trung bình	x		B1 Aptis ESOL	British Council	27/05/2026				8.10	4.45										12.55	

TT	Họ tên đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	BẢNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC						Ưu tiên	ĐIỀU KIỆN TIẾNG ANH			ĐIỂM MÔN CƠ SỞ				ĐIỂM MÔN CHUYÊN NGÀNH				TỔNG ĐIỂM 2 MÔN	
					Trưởng cấp bằng	Hình thức ĐT	Ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại tốt nghiệp	BS kiến thức		Chứng chỉ tiếng Anh	Đơn vị cấp	Ngày cấp	Mạng máy tính	Cơ sở an toàn thông tin	Mật mã học cơ sở	Môn khác tương đương	An toàn mạng	Kiểm thử xâm nhập	An toàn ứng dụng web và cơ sở dữ liệu	Môn khác tương đương		
42	Phạm Thị Minh	Thúy	Nữ	12/01/2003	Đại học FPT	CQ	Chuyên ngành An toàn thông tin	2025	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	2025	7.80					8.20				16.00
43	Trịnh Công	Toàn	Nam	31/01/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2024	Khá			B2 Aptis ESOL	British Council	27/05/2026		7.90					8.60			16.50
44	Bùi Huy	Toàn	Nam	09/09/1993	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	Điện tử viễn thông	2019	Khá	x		Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Đại học Thái Nguyên	08/04/2024			7.10		6.40					13.50
45	Đỗ Xuân	Trung	Nam	08/09/2001	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2025	Giỏi	x			Sinh viên Học viện CNBCVT	Tốt nghiệp 2025		10.00			9.00					19.00
46	Đỗ Việt	Tú	Nam	06/07/2000	Đại học Thủ Đức Hà Nội	CQ	Công nghệ thông tin	2022	Giỏi			C1 Aptis ESOL	British Council	27/04/2026			9.10		7.20					16.30
47	Phạm Thế	Vân	Nam	24/01/1997	Học viện Kỹ thuật mật mã	CQ	An toàn thông tin	2021	Khá			Aptis ESOL B1	British Council	01/04/2025			7.70		6.60		6.60			20.90
48	Hồ Anh	Vũ	Nam	21/11/2000	Đại học FPT	CQ	An toàn thông tin	2022	Khá			Chương trình học bằng tiếng Anh	Đại học FPT	2022	8.90				8.00					16.90
49	Trần Đức	Vương	Nam	06/01/2002	Đại học Kỹ thuật- Hậu cần CAND	CQ	Kỹ thuật điện tử viễn thông	2025	Khá	x		Bậc 3 Tiếng Anh	Đại học Thái Nguyên	QĐ 3693/QĐ-ĐHTN ngày 16/06/2026		6.80			5.90					12.70
50	Lương Văn	Đạo	Nam	29/12/1999	Học viện Công nghệ BCVT	CQ	An toàn thông tin	2022	Trung bình			Aptis ESOL B1	British Council	06/06/2026		8.30				9.10				17.40

Danh sách gồm: 50 thí sinh

Người lập biểu



Đinh Thị Bích Hạnh

